

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HSST
Ngày: 13-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Thẩm phán: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mạc Thị Khánh Linh

Ông Dương Văn Tuyên

Bà Phan Thị Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Khánh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Lương Xuân B, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2003. Tại Bắc Giang; giới tính: Nam; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm P, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hoá 12/12; Nghề nghiệp: Sinh Viên; Con ông: Lương Văn G; Con bà: Đỗ Thị M; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T từ ngày 13/10/2022 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Tòa án chỉ định:

Ông Nguyễn Công Q- Luật sư thuộc Văn phòng L2, Đoàn luật sư tỉnh T. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo do bị cáo và gia đình mời:

Ông Nguyễn Đình H- Luật sư, Văn phòng L3, Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 2003. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm Mã Quan, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ở: Tổ 1, Phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Lương Văn G, sinh năm 1979 và bà Đỗ Thị M, sinh năm 1983.

Trú tại: Xóm P, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đều có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 2001. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm A B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng;

2. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

3. Ông Nguyễn Năng N1, sinh năm 1955. Có mặt.

Trú tại: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

4. Chị Triệu Thị Hảo H2; sinh năm 2003. Vắng mặt.

Trú tại: tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

5. Anh Nguyễn Hoài N2, sinh năm 2001. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố D, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên

6. Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 2004. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố T, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên;

7. Chị Phạm Thị L1, sinh năm 2004. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Xuân B và chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 2003; trú tại xóm M, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (sinh viên trường Đại học K và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên) quen biết nhau qua mạng xã hội facebook từ tháng 12/2021, đến khoảng tháng 4/2022 thì yêu nhau. Khoảng tháng 10/2022, H1 thông báo đã yêu người khác và chủ động chia tay nên B bức tức, ghen tuông với H1.

Chiều ngày 12/10/2022, B đi xe mô tô đến thành phố T gặp H1 nói chuyện. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, H1 và B quay về phòng trọ của H1 tại tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây, B đề nghị H1 tiếp tục yêu B nhưng bị H1 từ chối nên B đã nảy sinh ý định giết H1 rồi tự sát. Để thực hiện ý định nêu trên, B bảo chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 2001, trú tại xóm A, B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng là người ở cùng phòng trọ với H1 đi ra ngoài rồi B đóng, chốt cửa phòng lại. Ở trong phòng, B nói với H1: “...*cùng chết nhé*” và đi ra khu vực để bát ở gần cửa, dùng tay phải lấy 01 (Một) con dao dài 21,2cm chuôi nhựa màu đen, lưỡi kim loại sắc nhọn đâm nhiều nhất trúng vào tay, lưng của H1 tại giường ngủ kê sát tường nhà tắm làm cho H1 hoảng sợ, la hét trong phòng; sau đó, B lấy 01 (Một) dao khác cũng ở nơi để bát đĩa dài 31cm, chuôi nhựa màu xanh, lưỡi sắc cửa cổ tự sát ở trong nhà tắm nhưng không chết. Thấy B tự sát, H1 đã đến khuyên ngăn B nhưng B lại dùng dao tấn công H1; H1 bỏ chạy về phía cửa phòng trọ thì bị B giữ lại và tiếp tục đâm dao nhọn thêm nhiều nhất nữa trúng vào cánh tay, đùi, bụng, mặt của H1.

Anh Nguyễn Hoài N2, sinh năm 2001; trú tại TDP D, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên ở bên ngoài nghe thấy tiếng la hét nên đã gọi B để can ngăn thì B nói: “*tao muốn giết người*”; bà Đỗ Thị M, sinh năm 1983, trú tại xóm P, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang (mẹ ruột của B) thực hiện cuộc gọi video đến cho B thì B nói với bà M: “*Hôm nay con phải chết*” rồi tắt điện thoại. Đến khi H1 quay về giường ngủ, Bình tiến lại gần tiếp tục dùng dao nhọn đâm 01 nhát trúng vào ngực của H1. Sau đó, Công an phường T đến yêu cầu B mở cửa, đưa B đến cơ sở y tế khâu vết thương ở cổ rồi quay về trụ sở làm việc, H1 được mọi người đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện T3 đến ngày 26/10/2022 ra viện.

Hồi 20 giờ 20 phút ngày 12/10/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả xác định:

Hiện trường xảy ra vụ án tại phòng số 22 thuộc dãy nhà trọ của ông Nguyễn Năng N1, sinh năm 1955 ở địa chỉ: tổ A, phường T, thành phố T. Các hướng tiếp giáp: hướng B1 là sân chung, hướng Nam là khu vực dãy nhà trọ, hướng Đông là phòng số 23, hướng Tây là phòng số 21.

Phòng số 22 có KT (5,1x3,3)m, có cửa ra vào loại một cánh gỗ quay về hướng B, KT (1,97x0,82)m. Trong phòng có: 01 tủ bằng vải bạt đựng quần áo KT (1,22x1,65x0,4)m kê sát tường phía Đông và cách tường phía Bắc là 0,45m; tiếp đến là giường ngủ KT (2,08x1,67x0,38)m được kê sát tường phía Đ và tường phía Nam, đầu giường quay hướng Đông, trên giường trải chiếu tre và có đệm gối, chăn. Phòng trọ có nhà tắm khép kín KT (2,25x1,25)m. Dấu vết, đồ vật phát hiện, thu giữ bên trong phòng trọ số 22 gồm:

- Vị trí số 1: Trên tường phía Bắc, sát mép cửa bên trái theo hướng từ ngoài nhìn vào, cao cách nền nhà 0,44m phát hiện dấu vết máu dạng chui quẹt KT (0,5x0,73)m. Đã thu giữ niêm phong dấu vết máu, ký hiệu M1;

- Vị trí số 2: Trên nền nhà từ cửa ra vào đến khu vực nhà tắm phát hiện dấu vết máu dạng nhỏ giọt nằm rải rác trong diện (3,7x2,47)m. Đã thu giữ niêm phong dấu vết máu, ký hiệu M2;

- Vị trí số 3: Trên nền nhà cách cửa ra vào 0,86m, cách tường phía Tây 0,5m phát hiện 01 dao dài 31cm, chuôi bằng nhựa màu xanh dài 11,5cm, có một lưỡi, bản rộng của dao là 3,9cm, trên lưỡi dao có bám dính máu. Đã thu giữ niêm phong dao, ký hiệu D1;

- Vị trí số 4: Trên giường ngủ, cách đầu giường 0,5m, phát hiện dấu vết máu dạng máu đọng trong diện (1,2x0,76)m. Đã thu giữ niêm phong dấu vết máu, ký hiệu M3;

- Vị trí số 5: cách vị trí số 3 theo hướng Nam 0,3m, cách tường phía Tây 0,45m phát hiện 01 dao được ốp vỏ nhựa màu xanh KT dài 5cm x rộng 1 cm, có một lưỡi sắc... Đã thu giữ niêm phong dao, ký hiệu D2;

- Vị trí số 6: Trên tường phía Tây ở vị trí cao cách nền nhà 0,26m, cách cửa ra vào 1,98m phát hiện dấu vết máu dạng chui quẹt KT (0,63x0,65)m. Đã thu giữ niêm phong dấu vết máu, ký hiệu M4;

- Vị trí số 7: Trên nền nhà ở vị trí phía trước cửa ra vào nhà tắm, cách tường phía Tây 0,36m, cách tường phía Nam 0,66m phát hiện 01 dao dài 21,2cm, chuôi bằng nhựa màu đen dài 10cm, có một lưỡi sắc và một mũi nhọn, bản rộng của dao là 3,8cm, trên lưỡi dao có bám dính máu. Đã thu giữ niêm phong dao, ký hiệu D3;

- Vị trí số 8: Trên nền nhà tắm, cách tường phía Nam 10cm, cách tường phía Tây 1,08m phát hiện 01 dao dài 30,5cm, chuôi bằng nhựa màu đen dài 11,5cm, có một lưỡi sắc và một mũi nhọn, bản rộng của dao là 3,8cm... Đã thu giữ niêm phong dao, ký hiệu D4;

- Vị trí số 9: Trên nền, tường phía Nam và phía Bắc của nhà tắm phát hiện dấu vết máu dạng chui quẹt, nhỏ giọt nằm rải rác. Đã thu giữ niêm phong dấu vết máu, ký hiệu M5;

- Vị trí số 10: Trên nền nhà phòng trọ cách tường phía Bắc 0,6m, cách tường phía Đông 0,54m có 01 chiếu cói KT (1,86x1,2)m, trên chiếu phát hiện dấu vết máu rải rác dạng nhỏ giọt. Đã thu giữ niêm phong chiếu, ký hiệu C2.

Tại bệnh án số CC221990 của bệnh viện T3 thể hiện chị Nguyễn Thị H1 vào viện lúc 19 giờ 59 phút ngày 12/10/2022 với các vết thương tích gồm:

Mặt trước vùng cánh tay trái có 3 vết thương KT khoảng (2x3)cm, cẳng tay trái có 2 vết thương KT khoảng (2x3)cm, cổ tay trái có 1 vết thương KT khoảng 2cm, vết thương lòng bàn tay trái khoảng 1,5cm.

Vết thương vùng ngực mũi ỨC KT khoảng (5x2)cm, mạn sườn trái có 1 vết thương KT khoảng (2x1)cm; Gò má phải có vết thương KT khoảng (1x1)cm; Vùng lưng trên đường cột sống khoảng đốt sống D11 có 1 vết thương KT khoảng (2x1)cm, cạnh cột sống vùng thắt lưng phải có 1 vết thương KT khoảng (2x1)cm, cạnh cột sống vùng thắt lưng trái có 1 vết thương KT khoảng (2x2)cm, vùng hố thắt lưng bên trái có 1 vết thương KT khoảng (1x0,5)cm chảy máu; Mặt ngoài vùng mông phải có 2 vết thương: một vết lớn khoảng lớn KT khoảng (1,5x1)cm và 1 vết thương nhỏ KT khoảng 0,5cm...

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 786/TgT ngày 14/10/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh T đối với Nguyễn Thị H1 kết luận như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định: Hiện tại có 07 sẹo phần mềm KT nhỏ và 01 sẹo phần mềm vùng mặt KT nhỏ.

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 10% (Mười phần trăm) Áp dụng phương pháp tính theo thông tư số: 22/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y.”

3. Kết luận khác: Hiện tại bệnh nhân đang nằm điều trị tại bệnh viện, có thể có những tổn thương chưa thể đánh giá, xác định được ngay nên sau khi bệnh nhân ra viện, Cơ quan CSĐT có thể trưng cầu giám định bổ sung”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 894/TgT ngày 24/11/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh T đối với Nguyễn Thị H1 kết luận như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định: tổn thương màng phổi, tổn thương nhu mô phổi, thủng cơ hoành (T) phải can thiệp phẫu thuật, tổn thương bán phần thần kinh giữa tay (T), chấn thương gan, hiện tại có 1 sẹo phần mềm vùng mặt KT nhỏ, 1 sẹo phần mềm KT lớn, 2 sẹo phần mềm KT trung bình và 16 sẹo phần mềm KT nhỏ;

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 58%. Cơ chế hình thành các vết thương: do tác động của vật sắc nhọn”.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 785/TgT ngày 14/10/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh T đối với Lương Xuân B kết luận như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định: Hiện tại có 4 sẹo vết thương phần mềm vùng cổ KT nhỏ và 5 sẹo vết thương phần mềm KT nhỏ.

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12%. (Mười hai phần trăm) Áp dụng phương pháp tính theo thông tư số: 22/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y.

** Kết quả giám định ADN: Tại Bản kết luận giám định số 7727/KL-KTHS ngày 30/11/2022 của V2 Bộ C kết luận: Trên 2 con dao ký hiệu D1 và D3, trên chiếc quần bò ký hiệu PS1 đều bám dính máu của Lương Xuân B và Nguyễn Thị H1.*

Vật chứng của vụ án gồm:

02 con dao (ký hiệu D1, D3) và các dấu vết, vật chứng khác được thu giữ chuyển theo hồ sơ vụ án (có danh sách kèm theo).

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng. Bị hại H1 không còn yêu cầu gì về việc bồi thường dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS (P2) ngày 10 tháng 01 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lương Xuân B về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo thừa nhận ngày khoảng 18 giờ ngày 12/10/2022 do bị cáo rất yêu H1 nhưng bị H1 đã từ chối không yêu bị cáo và nói H1 đã yêu người khác, lúc đó bị cáo không nghĩ được cách giải quyết khác mà chỉ nghĩ mình bị phản bội tình yêu và nghĩ đến cả hai cùng chết, bị cáo đã lấy con dao chuôi nhựa màu đen để ở chạn bát của chị H1 đâm nhiều nhất vào vùng tay, lưng của chị H1 sau đó bị cáo lấy 01 con dao khác cứa vào cổ mình tự sát, khi chị H1 can ngăn bị cáo đã dùng dao đâm nhiều nhất vào người chị H1, toàn bộ thương tích trên người của chị H1 do bị cáo gây nên làm chị H1 bị tổn thương cơ thể là 58%. Bị cáo rất ân hận hành vi phạm tội của mình và xin lỗi bị hại, mong bị hại tha thứ.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, bố mẹ đẻ của bị cáo đã bồi thường tổn hại sức khỏe cho bị hại Nguyễn Thị H1 số tiền 100.000.000đồng. Tại phiên tòa, chị H1 không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo B.

Phần luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng truy tố bị cáo Lương Xuân B. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Xuân B phạm tội “Giết người”. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Lương Xuân B từ 09 năm đến 10 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo và gia đình đã bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 100.000.000đồng.

Vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy những vật chứng không còn giá trị sử dụng. Trả lại cho bà Đỗ Thị M quản lý, sử dụng 01 xe mô tô nhãn hiệu HODA Wave, xe cũ, đã qua sử dụng, BKS 98H1- 147.98, số khung: RLHHC1252FY187020, số máy HC12E-7187104, xe không gương, không kiểm tra tình trạng máy bên trong. Trả lại cho chị Nguyễn Thị H1 01 điện thoại di động Iphone XSMAX; Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Lương Xuân B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11Promax;

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Hai người bào chữa cho bị cáo nhất trí với bản cáo trạng cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và điều luật áp dụng. Luật sư Nguyễn Công Q đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án thấp nhất. Luật sư Nguyễn Đình H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo có nhân thân tốt, gia đình bị cáo có ông nội và nhiều người có công với cách mạng, bị cáo và gia đình đã khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại, đề nghị xử bị cáo với mức án từ 7 năm tù đến 8 năm tù. Trả lại cho chị Đỗ Thị M chiếc xe mô tô BKS 98H1- 147.98.

Bị cáo không tranh luận, nhất trí lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

Bị hại tranh luận: Về trách nhiệm bồi thường dân sự, bị cáo đã bồi thường cho bị hại 100.000.000đồng, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác. Về trách nhiệm hình sự: Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi tranh luận lời bào chữa của những người bào chữa cho bị cáo và ý kiến của bị hại. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên lời luận tội tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng bị cáo thấy ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an tỉnh T; Của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lương Xuân B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản cáo trạng mô tả hành vi phạm tội, truy tố bị cáo về tội “Giết người” là đúng, không oan. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được cơ quan điều tra thu thập lưu hồ sơ vụ án như: Vật chứng đã thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và nhiều tài liệu chứng cứ khác, vì vậy đủ căn cứ xác định:

Do bị chị Nguyễn Thị H1 từ chối không tiếp tục quan hệ yêu đương, khoảng 18 giờ ngày 12/10/2022, tại phòng trọ số B thuộc tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Lương Xuân B đã có hành vi sử dụng 01 con dao dài 21,2cm chuôi nhựa màu đen, lưỡi kim loại sắc nhọn đâm nhiều nhất trúng vào tay, lưng của H1, sau đó B lấy 01 (Một) dao khác dài 31cm cứa vào cổ mình tự sát, chị H1 can ngăn, B lại tiếp tục đâm dao nhọn thêm nhiều nhất nữa trúng vào cánh tay, đùi, bụng, mặt của H1. Khi bị người ở ngoài phòng trọ can ngăn, B tiếp tục dùng dao nhọn đâm 01 nhát trúng vào ngực của H1. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của chị H1 là 58%.

Với hành vi trên bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Lương Xuân B về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Điều 123. Tội Giết người

"1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

a).....

n) Có tính chất côn đồ;

Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được việc dùng dao đâm vào người của chị H1 là rất nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của chị H1 nhưng vì bị cáo quá yêu và ghen với chị H1 khi bị chị H1 nói đã yêu người khác và

từ chối không yêu bị cáo, bị cáo đã không làm chủ được bản thân đã dẫn đến phạm tội và đã tự sát nhưng không chết. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về tội “giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường tổn hại sức khỏe cho bị hại. Bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo phạm tội “giết người” chưa đạt, có căn cứ áp dụng Điều 15; Điều 57 của Bộ luật hình sự để xét xử theo quy định.

Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nhân thân tốt, phạm tội giết người chưa đạt. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, cần buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, để răn đe và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại xác nhận đã nhận 100.000.000đồng bồi thường của bố mẹ bị cáo, bồi thường thay cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác. Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông Lương Văn G và bà Đỗ Thị M là bố mẹ đẻ của bị cáo đã bồi thường số tiền là 100.000.000đồng cho bị hại. Tại phiên tòa hôm nay ông G và bà M không yêu cầu bị cáo trả lại, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Xét thấy, các vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động Iphone XSMax thu giữ của bị hại H1 đây là tài sản hợp pháp của chị H1 là bị hại trong vụ án, cần trả lại cho chị H1 quản lý sử dụng.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11Promax thu giữ của bị cáo B không liên quan đến phạm tội cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave đã qua sử dụng, BKS: 98H1- 147.98 thu giữ của bị cáo, đây là tài sản hợp pháp của bà Đỗ Thị M cho bị cáo mượn để đi học, nên trả lại cho bà M quản lý, sử dụng.

Từ những phân tích trên, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 15; Điều 57; Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Lương Xuân B 09 (chín) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586; 590 của Bộ luật dân sự. Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) (đã bồi thường xong)

3. Vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong ký hiệu M1, chứa mẫu máu thu tại vị trí số 1 trên hiện trường. 01 bì niêm phong ký hiệu M2, chứa mẫu máu thu tại vị trí số 2 trên hiện trường. 01 bì niêm phong ký hiệu M3, chứa mẫu máu thu tại vị trí số 4 trên hiện trường. 01 bì niêm phong ký hiệu M4, chứa mẫu máu thu tại vị trí số 6 trên hiện trường. 01 bì niêm phong ký hiệu M5, chứa mẫu máu thu tại vị trí số 9 trên hiện trường. 01 bì niêm phong không ký hiệu, trên mép dán có chữ ký của Hoàng Văn B2, Nguyễn Tuấn A, Lương Xuân B, Lê Mạnh Q1 và 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Bên ngoài ghi: USB; 01 bì niêm phong ký hiệu D2, có ký xác nhận của các bên liên quan: Vũ Xuân Đ1, Phạm Văn N3 cùng các thành phần tham gia niêm phong, bên ngoài ghi tên mẫu vật: Dao (dài 5cm). Kí hiệu D2; 01 bì niêm phong ký hiệu D4, có ký xác nhận của các bên liên quan: Vũ Xuân Đ1, Phạm Văn N3, Dương Văn V, Hoàng Đức V1, Nguyễn Thị Ngọc L, bên ngoài ghi tên mẫu vật: Dao (dài 30,5cm). Kí hiệu D4; 01 bì niêm phong kí hiệu PS1 2006030, có ký xác nhận của các bên liên quan: Đỗ Văn A1, Nguyễn Đăng T1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Mạnh H3, Trần Vũ H4, bên ngoài ghi tên: Mẫu vật quần áo; 01 hộp niêm phong ký hiệu C1, trên giấy niêm phong có chữ ký của Vũ Xuân Đ1, Dương Văn V cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an thành phố T, tỉnh Thái Nguyên bên ngoài ghi: chiếu tre KT (2x 1,58)m, đã qua sử dụng; 01 hộp niêm phong ký hiệu C2, trên giấy niêm phong có chữ ký của Vũ Xuân Đ1, Dương Văn V cùng các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an thành phố T, tỉnh Thái Nguyên bên ngoài ghi: chiếu tre KT (1,86 x 1,2)m, đã qua sử dụng; 01 gói niêm phong không ký hiệu, bên ngoài ghi: 01 con dao dài 31cm; 01 con dao dài 21,2cm; 01 quần bò;

Trả lại cho bà Đỗ Thị M quản lý, sử dụng 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, xe cũ, đã qua sử dụng, BKS 98H1- 147.98, số khung: RLHHC1252FY187020, số máy HC12E-7187104, xe không gương, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị H1 quản lý, sử dụng 01 bì niêm phong kí hiệu ĐT Huyền, trên mép dán có chữ kí của Đỗ Văn A1, Nguyễn Thị H1 cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi máy điện thoại Huyện vụ Lương Xuân B- 123 T;

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo B: 01 bì niêm phong kí hiệu ĐT B, trên mép dán có chữ kí của Phạm Trần Tuấn T2, Nguyễn Thị Thanh H5 cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi máy điện thoại Bình vụ 123 T;

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 40 lập ngày 10/01/2023 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lương Xuân B phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Điều 26 Luật thi hành án Dân sự quy định: “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- CA tỉnh TN, Trại TG;
- Cục THA dân sự tỉnh TN;
- THA Hình sự;
- Bị cáo (Qua trại);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương